# CTCP Dịch vụ kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (UPCOM: PSN)

FireAnt

## KẾT QUẢ KINH DOANH

| Ngày 29/12/2023 | 11,000 VNĐ | | |
|---|---|---|---|
| **Thay đổi** | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0% | 0% | -1.7% |

| | 2023 | YoY |
|---|---|---|
| **DT thuần** | 1,031 tỷ VNĐ | ▲ 89.0 ▲ 9.4% |
| **LN gộp** | 79.8 tỷ VNĐ | ▲ 29.5 ▲ 58.5% |
| **LN thuần** | 42.8 tỷ VNĐ | ▲ 14.2 ▲ 49.7% |
| **LN sau thuế** | 40.1 tỷ VNĐ | ▲ 12.6 ▲ 46.2% |
| **ROE** | 7.6% | +/- YoY ▲ 2.4% |
| **ROA** | 4.1% | +/- YoY ▲ 0.8% |

### Lịch sử giá

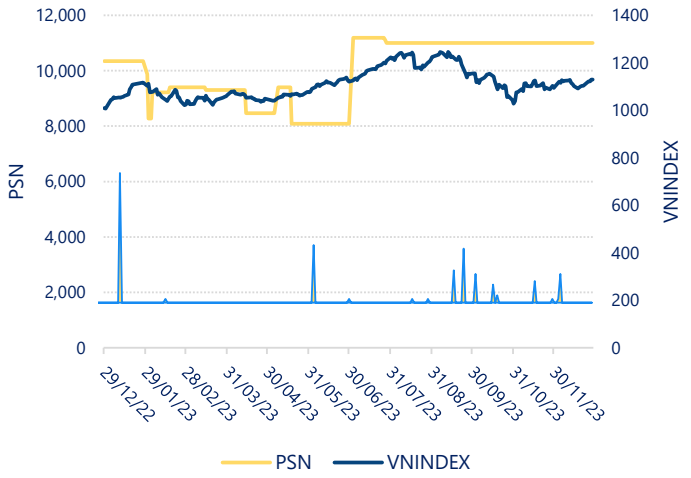


### Kết quả kinh doanh

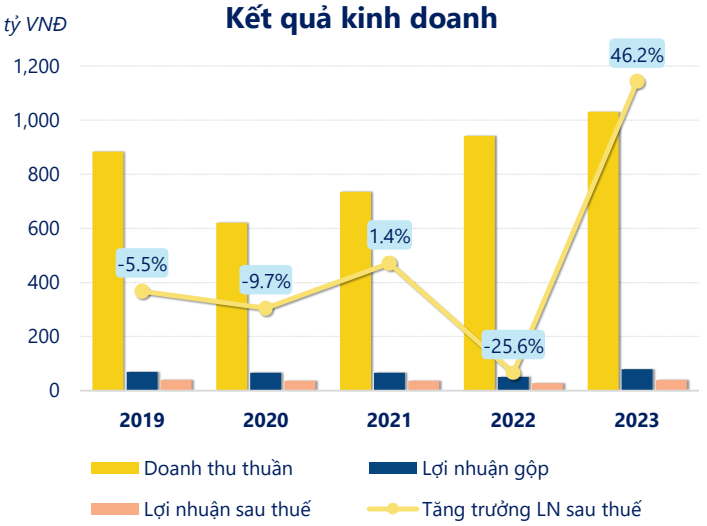


Năm **2023**, **PSN** ghi nhận doanh thu thuần **1,031** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **40.14** tỷ đồng, lần lượt **tăng 9.40%** và **tăng 46.2%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **7.56%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

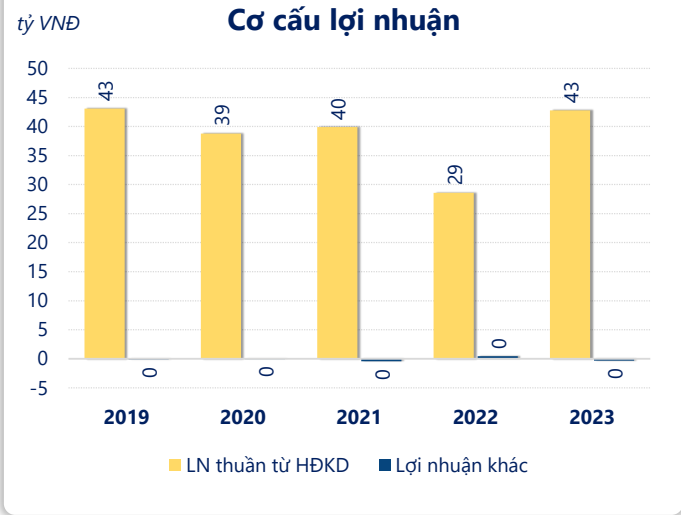


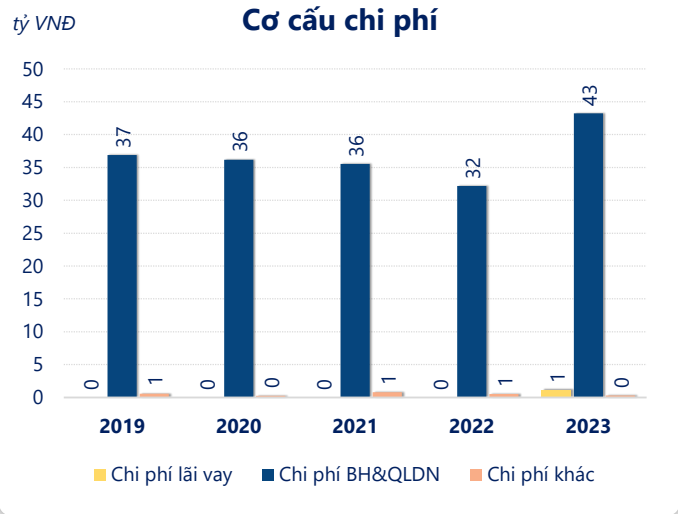


Năm **2023**, **PSN** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **42.77** tỷ đồng, **tăng lên 14.20** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (38.62 tỷ đồng) là 4.15 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

**Chi phí lãi vay tăng lên** so với năm trước, ở mức **1.14** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **43.25** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.31** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

**ROE** của PSN năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **7.56%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.

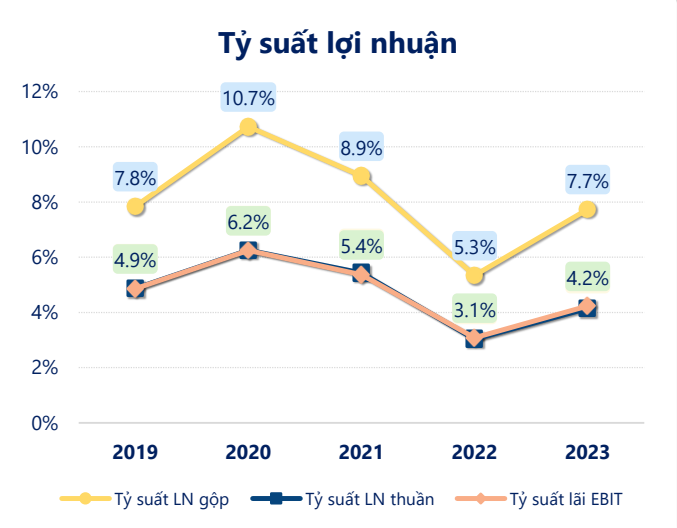


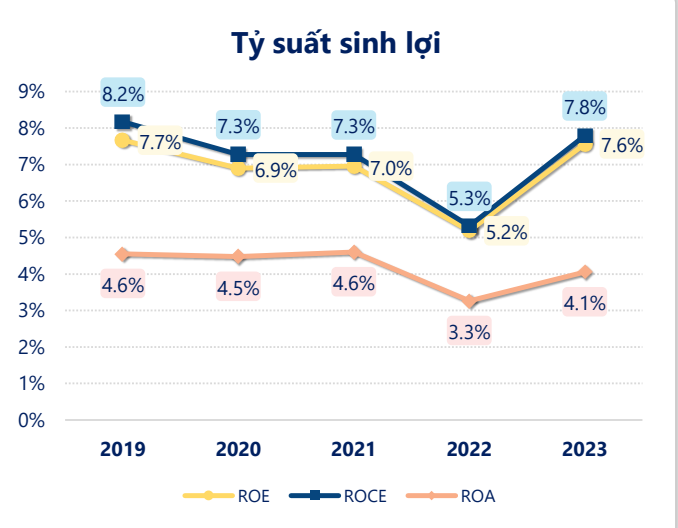

| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **884** | **620** | **735** | **942** | **1,031** |
| Giá vốn hàng bán | 814 | 554 | 669 | 892 | 951 |
| **Lợi nhuận gộp** | **69.3** | **66.5** | **65.8** | **50.3** | **79.8** |
| Doanh thu HĐTC | 10.9 | 8.63 | 9.80 | 10.5 | 7.53 |
| Chi phí TC | 0.23 | 0.19 | 0.12 | 0.09 | 1.26 |
| **Chi phí lãi vay** | **0** | **0** | **0** | **0** | **1.14** |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 36.9 | 36.2 | 35.5 | 32.2 | 43.3 |
| **LN thuần từ HĐKD** | **43.1** | **38.8** | **39.9** | **28.6** | **42.8** |
| Lợi nhuận khác | -0.11 | -0.07 | -0.43 | 0.46 | -0.30 |
| **LN trước thuế** | **43.0** | **38.7** | **39.5** | **29.0** | **42.5** |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **40.3** | **36.4** | **36.9** | **27.5** | **40.1** |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | **40.3** | **36.4** | **36.9** | **27.5** | **40.1** |

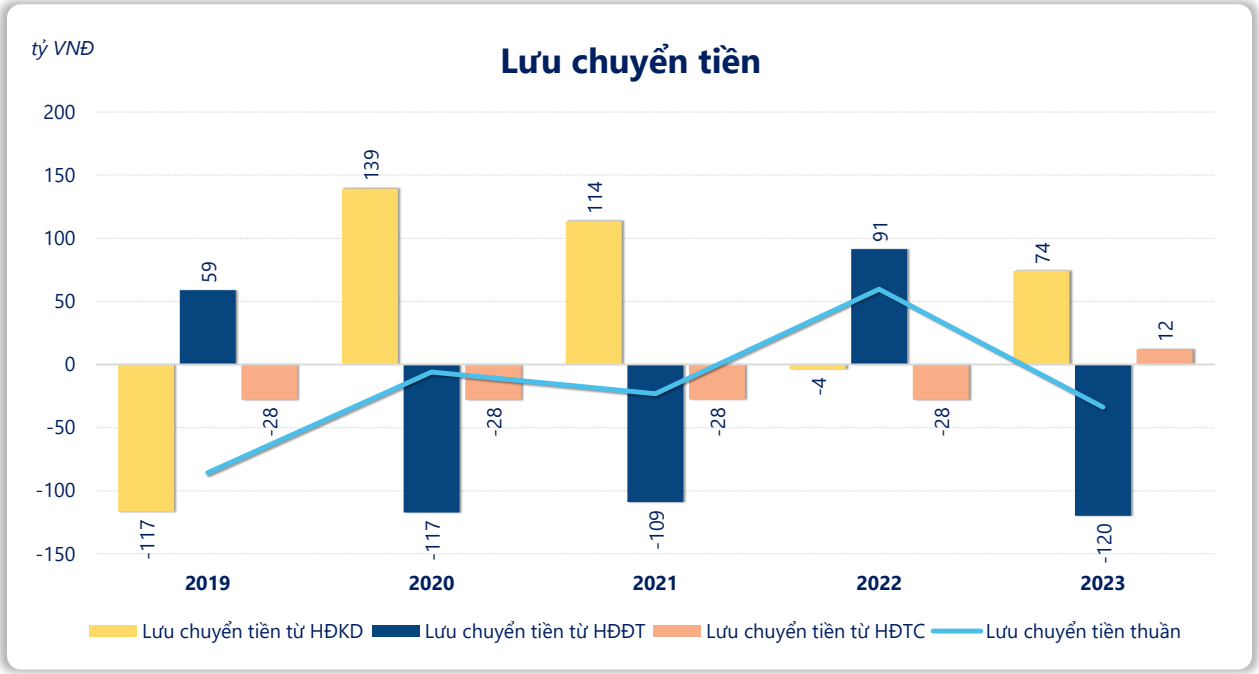


**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2023 của PSN bằng **-33.87** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (59.64 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **74.08** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-119.9** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **11.90** tỷ đồng.